

Phân tích tài chính

MPP22, HỌC KỲ XUÂN, 2021

BÀI GIẢNG 01

CÔNG CỤ, THỊ TRƯỜNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH



Giới thiệu nội dung môn học



- **Phần 1- Tài chính căn bản**
 - Công cụ, thị trường và Tổ chức tài chính
 - Chiết khấu ngân lưu và Nguyên tắc ra quyết định đầu tư
 - Tài chính dự án và hợp tác công tư

Tài liệu đọc



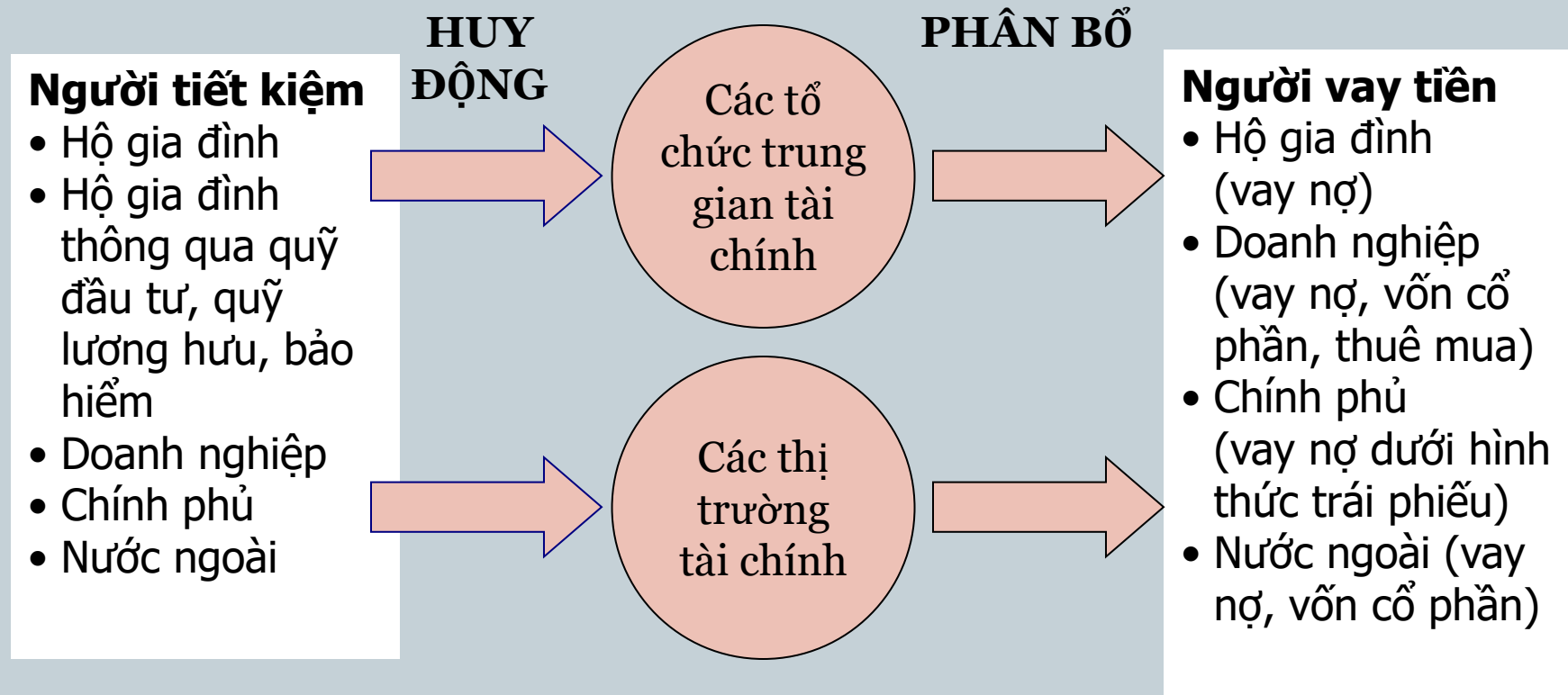
- Richard Brealey, Stewart Myers and Franklin Allen, Nguyên lý tài chính công ty , 11th edition, McGraw-Hill Irwin, 2014. (Abv: BMA)
- Zvi Bodie, Alex Kane và Alan J. Marcus, Những vấn đề căn bản của đầu tư, NXB McGraw-Hill Irwin, 2008
- Aswath Damodaran, *Định giá đầu tư*, Wiley Finance, 2001
- Yescombe (2014): *Nguyên lý về tài chính dự án (Principles of Project Finance)*
- Yescombe (2007, 2018): *Hợp tác công – tư: Những nguyên lý chính sách và tài chính (PPP-Principles of Policy and Finance)*
- Finnerty (2013), *Tài trợ dự án: Kỹ thuật tài chính dựa vào tài sản (Project Financing: Asset-based Financial Engineering)*
- Nicoletti (2017), *Tương lai của Fintech*

Giới thiệu về hệ thống tài chính



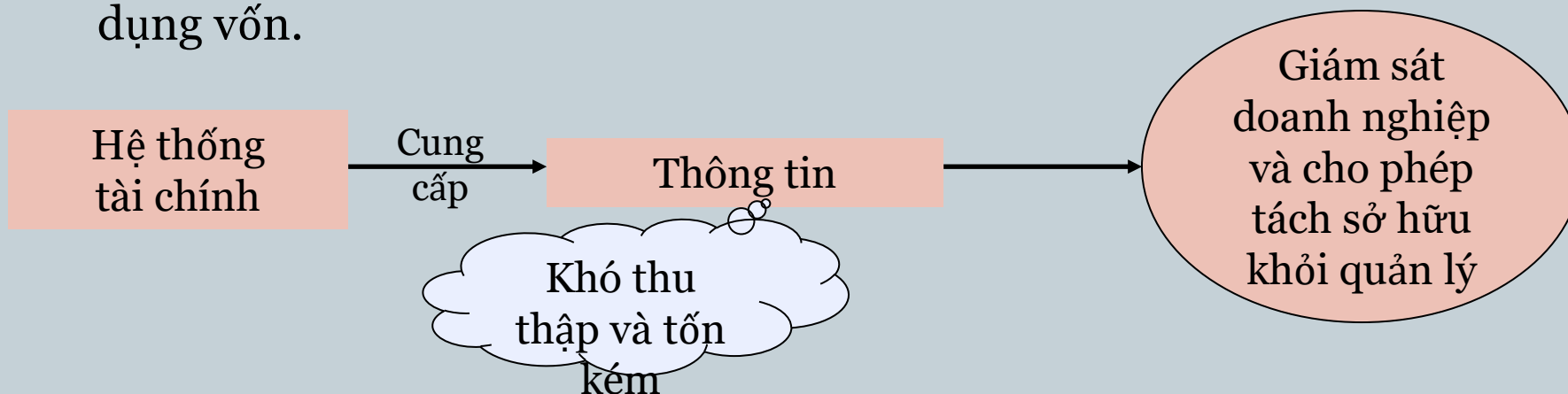
- Chức năng
 - Vận hành hệ thống thanh toán
 - Huy động tiết kiệm và phân bổ vốn
 - Chuyển đổi và phân tán rủi ro
 - Giám sát doanh nghiệp
- Các thành phần của một hệ thống tài chính
 - Công cụ tài chính
 - Thị trường tài chính
 - Tổ chức tài chính
 - Cơ sở hạ tầng tài chính

Huy động tiết kiệm và phân bổ vốn



Giám sát hoạt động quản lý doanh nghiệp

- ◆ Hệ thống tài chính phân bổ vốn và đồng thời còn giám sát việc sử dụng vốn.



- Ví dụ:
 - Ngân hàng đánh giá khả năng tín dụng và hiệu quả dự án đầu tư của doanh nghiệp khi xem xét cho vay và đe dọa ngưng cấp vốn nếu hoạt động đầu tư sau đó không có hiệu quả.
 - Người nắm giữ trái phiếu buộc doanh nghiệp không được phát hành thêm nợ để kiểm soát mức rủi ro tín dụng của trái phiếu.
 - Hoạt động mua công ty một cách thù địch trên thị trường chứng khoán buộc giám đốc công ty phải điều hành tốt nếu không muốn công ty bị mua.

Các thành phần của một hệ thống tài chính



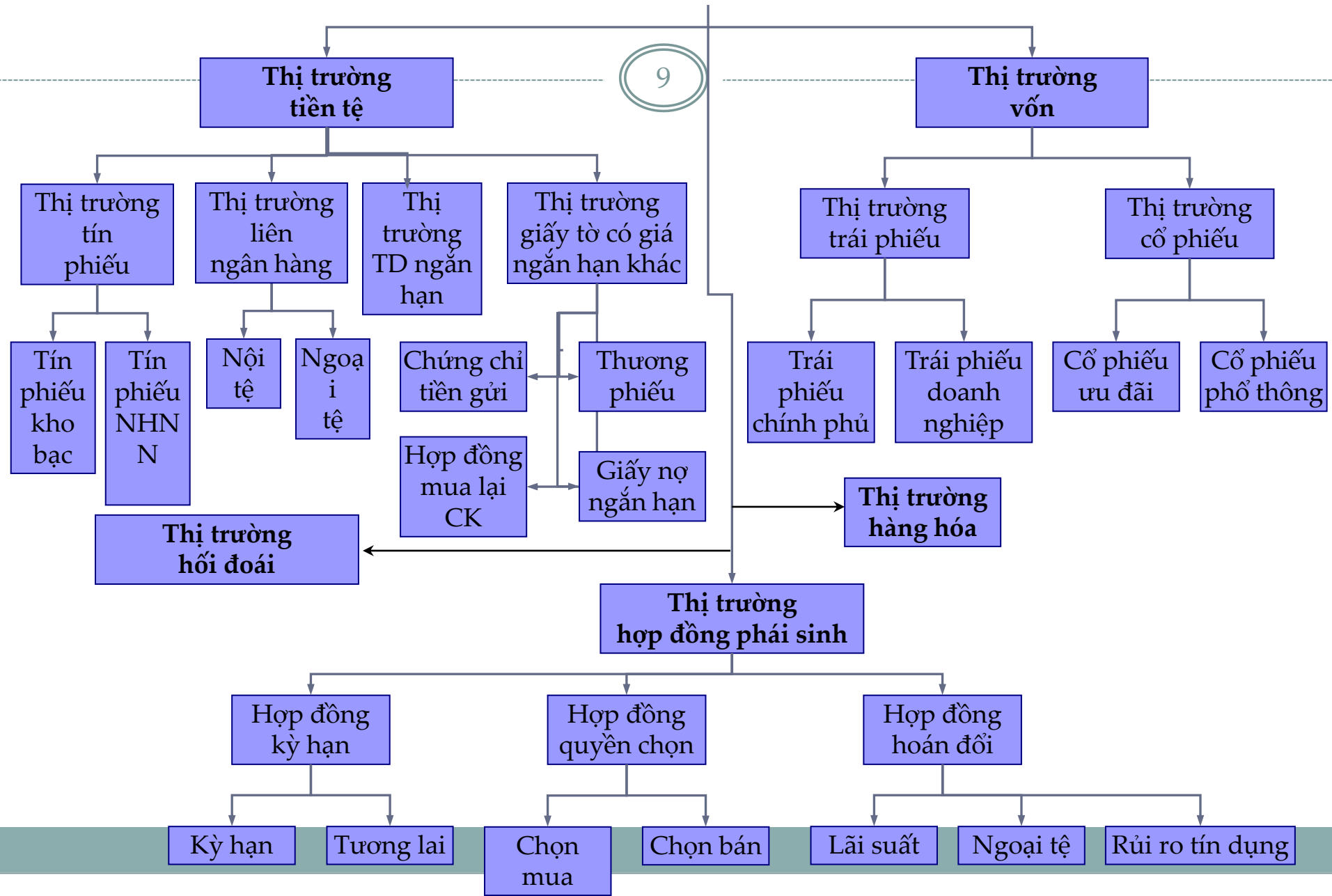
- Công cụ tài chính (Financial Instruments)
 - Các tài sản tài chính (trao cho người nắm giữ quyền được hưởng dòng tiền trong tương lai) được thiết kế thành sản phẩm tài chính có thể giao dịch trên thị trường;
- Thị trường tài chính (Financial Market)
 - Những cơ chế dàn xếp cho phép các tài sản tài chính được mua bán, trao đổi.
- Tổ chức tài chính (Financial Institution)
 - Tổ chức huy động tiền dưới hình thức nhận tiền gửi trực tiếp, đi vay hay phát hành tài sản tài chính, rồi sử dụng tiền huy động này để cho vay hay đầu tư vào tài sản tài chính.
- Cơ sở hạ tầng tài chính (Financial Infrastructure)
 - Bao gồm các thể chế, luật và quy định để quản lý, tổ chức và vận hành hệ thống tài chính

Đặc điểm của hệ thống tài chính Việt Nam

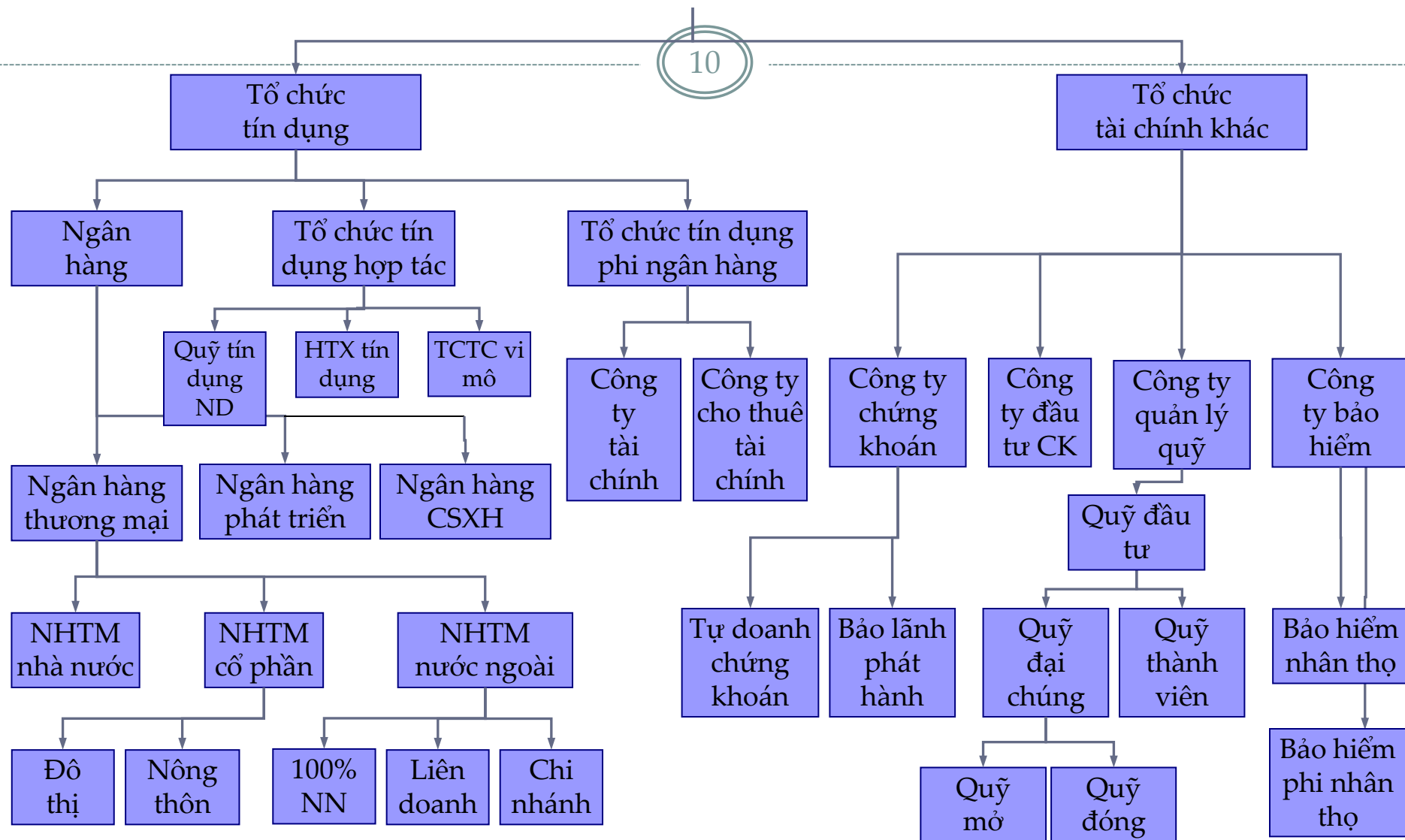
8

- Thị trường tài chính
 - Thị trường tiền tệ sv. thị trường vốn
 - Thị trường sơ cấp sv. thị trường thứ cấp
 - Thị trường tập trung sv. phi tập trung
 - Thị trường chính thức sv. phi chính thức...
- Các công cụ tài chính
 - Công cụ nợ sv. công cụ vốn
 - Công cụ ngắn hạn sv. dài hạn
 - Công cụ cơ sở sv. công cụ phái sinh
- Các tổ chức tài chính
- Cơ sở hạ tầng tài chính

Thị trường và công cụ tài chính



Tổ chức tài chính



Phân loại thị trường tài chính theo kỳ hạn



- **Thị trường tiền tệ (money market)**
 - Thị trường vốn ngắn hạn, nơi mua, bán các công cụ tài chính có kỳ hạn dưới một năm
 - Các công cụ tài chính ngắn hạn thường được gọi là giấy tờ có giá ngắn hạn
 - Các công cụ tài chính ngắn hạn ở Việt Nam bao gồm tín phiếu kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi, thương phiếu, hợp đồng mua lại chứng khoán (Repo), giấy nợ ngắn hạn của doanh nghiệp
- **Thị trường vốn (capital market):**
 - Thị trường vốn trung và dài hạn, nơi mua bán các công cụ tài chính có kỳ hạn trên 1 năm
 - Các công cụ tài chính trung và dài hạn thường được gọi là chứng khoán (trung và dài hạn)
 - Chứng khoán trung và dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thường

Những phân loại khác của thị trường tài chính



- **Thị trường sơ cấp và thứ cấp (primary & secondary)**
 - Thị trường sơ cấp: nơi các công cụ tài chính được phát hành lần đầu tiên.
 - Thị trường thứ cấp: nơi các công cụ tài chính đã phát hành được mua bán.
- **Thị trường tập trung và phi tập trung (listed & OTC)**
 - Thị trường qua sàn giao dịch chính thức (còn gọi là thị trường tập trung) là thị trường giao dịch các chứng khoán có niêm yết.
 - Thị trường không qua sàn giao dịch chính thức (còn gọi là thị trường phi tập trung) là thị trường giao dịch các chứng khoán không niêm yết.
- **Thị trường tài chính chính thức và phi chính thức**
 - Thị trường chính thức: được tổ chức và quản lý một cách hệ thống.
 - Thị trường không chính thức: bao gồm những người cho vay lấy lãi, tổ chức tiết kiệm và cho vay phi chính thức

Hợp đồng kỳ hạn và tương lai



- **Kỳ hạn và tương lai:**

- Hợp đồng tương lai là những hợp đồng được chuẩn hóa (về loại tài sản cơ sở mua bán, số lượng các đơn vị tài sản cơ sở mua bán, thể thức thanh toán, kỳ hạn,...). Hợp đồng kỳ hạn không được chuẩn hóa, các chi tiết là do hai bên đàm phán cụ thể.
- Hợp đồng tương lai được thỏa thuận và mua bán thông qua người môi giới. Hợp đồng kỳ hạn được thỏa thuận trực tiếp giữa hai bên của hợp đồng.
- Hợp đồng tương lai được mua bán trên thị trường tập trung. Hợp đồng kỳ hạn trên thị trường phi tập trung.
- Hợp đồng tương lai được tính hàng ngày theo giá thị trường (marking to market daily). Hợp đồng kỳ hạn được thanh toán vào ngày đáo hạn.

- **Các loại hợp đồng tương lai:**

- Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán (index futures)
- Hợp đồng tương lai lãi suất (interest futures)
- Hợp đồng tương lai ngoại hối (currency futures)
- Hợp đồng tương lai nông sản (agricultural futures)
- Hợp đồng tương lai kim loại và khoáng sản (metal and mineral futures)

Hợp đồng quyền chọn



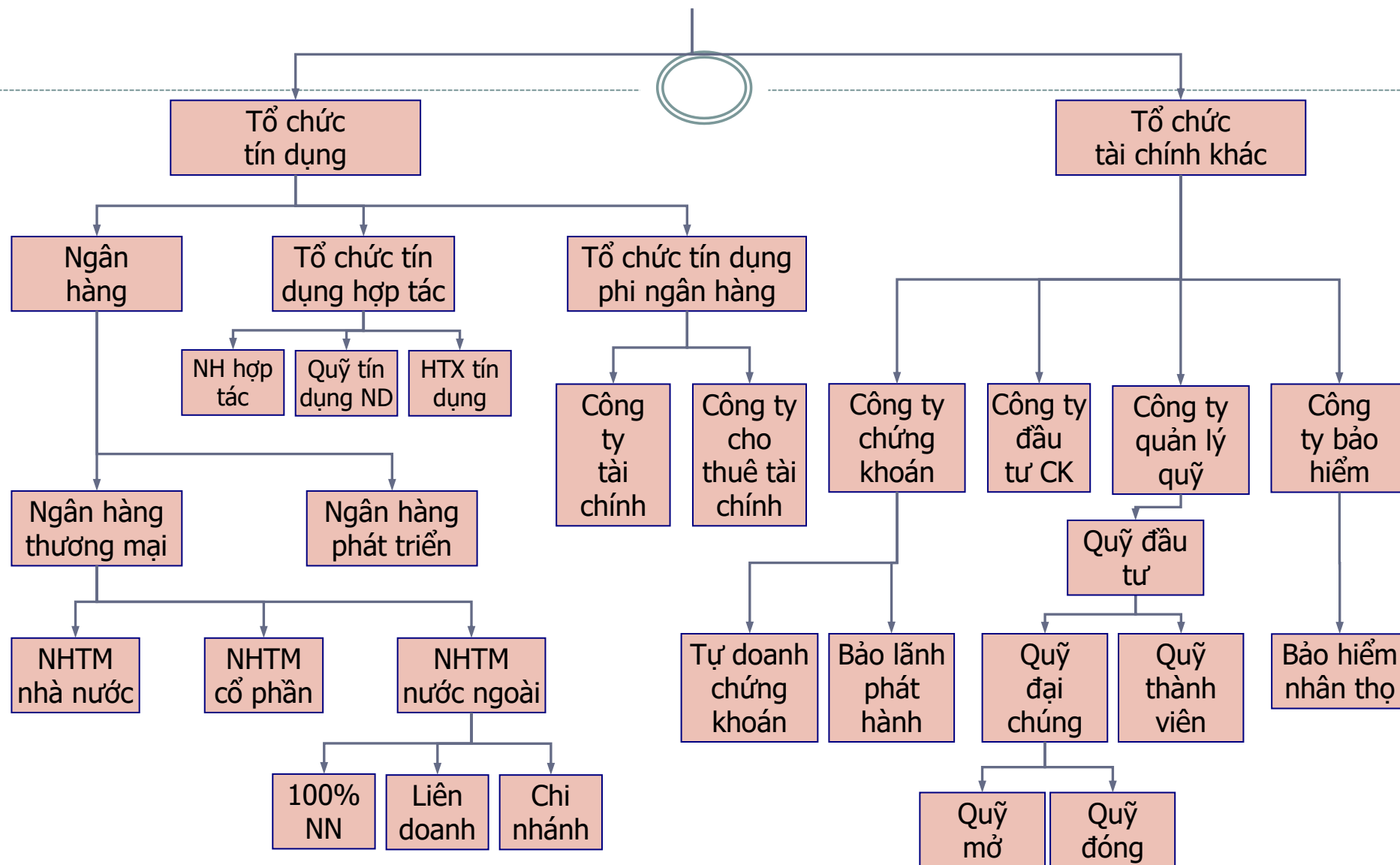
- Quyền chọn mua (call option) trao cho người mua (người nắm giữ) quyền chọn được quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua tài sản cơ sở vào một thời điểm hay trước một thời điểm trong tương lai với một mức giá xác định.
- Quyền chọn bán (put option) trao cho người mua (người nắm giữ) quyền chọn được quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) bán tài sản cơ sở vào một thời điểm hay trước một thời điểm trong tương lai với một mức giá xác định.
- Đối với quyền chọn mua, ta có người mua quyền chọn mua và người bán quyền chọn mua. Đối với quyền chọn bán, ta cũng có người mua quyền chọn bán và người bán quyền chọn bán.
- Quyền chọn mua hay chọn bán kiểu châu Âu chỉ có thể được thực hiện vào ngày đáo hạn chứ không được thực hiện trước ngày đó.
- Quyền chọn mua hay chọn bán kiểu Mỹ có thể được thực hiện vào mọi lúc cho đến hết ngày đáo hạn.
- Quyền chọn có thể được dựa vào các tài sản cơ sở như cổ phiếu, chỉ số cổ phiếu, trái phiếu, lãi suất, ngoại hối, kim loại quý hay nông sản.
- Quyền chọn có giá trị nên người mua quyền phải trả một khoản phí (gọi là giá của quyền chọn – option price) cho người bán quyền.

Hợp đồng hoán đổi



- Hợp đồng hoán đổi lãi suất (interest rate swap)
 - Hai bên của hợp đồng có quyền và nghĩa vụ phải hoán đổi giữa lãi vay thả nổi và lãi vay cố định giữa trên một giá trị vay danh nghĩa theo định kỳ trong tương lai.
- Hợp đồng hoán đổi ngoại tệ (foreign exchange swap)
 - Hai bên của hợp đồng có quyền và nghĩa vụ phải hoán đổi hai loại tiền tệ cho nhau tại một tỷ giá định trước theo định kỳ trong tương lai.
- Hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng (credit default swap)
 - Một bên phải trả một mức phí định kỳ cho bên kia và đổi lại sẽ được hưởng lại một khoản tiền nếu tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở ghi trong hợp đồng bị vỡ nợ.

Tổ chức tài chính



Tổ chức tín dụng (credit institutions)



- Tổ chức tín dụng (TCTD) là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ với nội dung nhận tiền gửi, sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.
 - Ngân hàng thương mại là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh tiền tệ, bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn và làm dịch vụ thanh toán.
 - Ngân hàng phát triển là tổ chức tín dụng có mục tiêu hoạt động là huy động và sử dụng vốn để phục vụ cho các dự án phát triển kinh tế và xã hội theo định hướng của nhà nước.
 - Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thực hiện một số hoạt động ngân hàng, nhưng không được nhận tiền gửi không kỳ hạn và không làm dịch vụ thanh toán.
 - Tổ chức tín dụng hợp tác do các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập (theo Luật hợp tác xã) để hoạt động tín dụng nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Ngân hàng thương mại (commercial bank)



- Làm dịch vụ thanh toán
- Huy động vốn dưới hình thức:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn
 - Nhận tiền gửi có kỳ hạn
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác
 - Phát hành trái phiếu
 - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác
 - Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước
- Sử dụng vốn dưới hình thức:
 - Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá và bảo lãnh
 - Đầu tư vào các tài sản tài chính
 - Góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp (và các tổ chức tín dụng khác) nhưng phải bằng vốn điều lệ và quỹ dự trữ.

Ngân hàng phát triển (development bank)



- Ngân hàng phát triển là tổ chức tín dụng có mục tiêu hoạt động là huy động và sử dụng vốn để phục vụ cho các dự án phát triển kinh tế và xã hội theo định hướng của nhà nước.
- Tại sao cần có ngân hàng phát triển?
 - Lợi ích ròng về kinh tế > lợi ích ròng về tài chính
 - Cần có trợ cấp
- Trợ cấp trong huy động vốn
 - Vốn cấp trực tiếp từ ngân sách
 - Vốn huy động với sự bảo lãnh của nhà nước
- Trợ cấp trong sử dụng vốn
 - Cho vay ưu đãi về lãi suất
 - Cho vay theo sự chỉ định của nhà nước

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng (non-bank financial institution)



- **Công ty tài chính (finance company)**
 - Tổ chức tín dụng phi ngân hàng, với chức năng là sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính, tiền tệ, nhưng không được làm dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi dưới 1 năm.
 - Công ty tài chính bao gồm loại hình công ty tài chính tổng hợp được thực hiện tất cả các chức năng, nghiệp vụ và công ty tài chính chuyên ngành hoạt động trên một số lĩnh vực chuyên biệt.
- **Công ty cho thuê tài chính (leasing company)**
 - Tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoạt động tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài sản giữa bên cho thuê là tổ chức tín dụng với khách hàng thuê.
 - Khi kết thúc thời hạn thuê, khách hàng mua lại hoặc tiếp tục thuê tài sản đó theo các điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng thuê. Trong thời hạn cho thuê, các bên không được đơn phương huỷ bỏ hợp đồng.

Công ty chứng khoán (securities companies)

- Công ty chứng khoán là doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động:
 - Môi giới chứng khoán
 - Tự doanh chứng khoán
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Công ty đầu tư chứng khoán là doanh nghiệp được thành lập để đầu tư chứng khoán
 - Công ty đầu tư chứng khoán tự quản lý vốn đầu tư hoặc ủy thác cho một công ty quản lý quỹ quản lý hoặc thuê công ty quản lý quỹ tư vấn đầu tư và tự mình thực hiện giao dịch.
 - Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là công ty đầu tư chứng khoán chào bán cổ phiếu ra công chúng và chịu một số hạn chế về đầu tư như quỹ đầu tư đại chúng.
 - Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ (không phải tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư)

Quỹ đầu tư chứng khoán (investment funds)



- Quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư với mục đích kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản khác, trong đó nhà đầu tư không có quyền kiểm soát hàng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ.
- Thông qua quỹ đầu tư, các nhà đầu tư hưởng lợi nhuận trên cơ sở đầu tư số lượng lớn, đa dạng hóa danh mục đầu tư ngay lập tức và tư vấn chuyên nghiệp, nhưng đổi lại là phải chịu phí.
- Phân loại quỹ:
 - Quỹ đại chúng: phát hành chứng chỉ quỹ rộng rãi ra công chúng
 - ✦ Quỹ mở (open-end fund)
 - ✦ Quỹ đóng (closed-end fund)
 - Quỹ thành viên: không phát hành chứng chỉ quỹ rộng rãi ra công chúng

Quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ



- Công ty quản lý quỹ (fund management companies) là doanh nghiệp thực hiện:
 - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Quỹ đầu tư không có tư cách pháp nhân và phải được quản lý bởi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán là việc công ty quản lý quỹ thực hiện quản lý theo ủy thác của từng nhà đầu tư trong mua, bán và nắm giữ chứng khoán.

Bảo hiểm nhân thọ (life-insurance companies)



- Huy động tiền dưới hình thức phí bảo hiểm.
- Đầu tư tiền vào các loại chứng khoán.
- Bảo hiểm nhân thọ được thiết lập dưới dạng một hợp vừa có điều khoản bảo hiểm và vừa có điều khoản đầu tư:
 - Các công ty bảo hiểm nhân thọ vừa thực hiện chức năng tiết kiệm vừa thực hiện chức năng bảo hiểm, từ đó ngày càng cạnh tranh mạnh với các ngân hàng và quỹ đầu tư trong việc huy động tiền gửi tiết kiệm.
 - Bảo hiểm nhân thọ truyền thống: trả bảo tức thường niên cố định với rủi ro đầu tư do các công ty bảo hiểm gánh chịu.
 - Bảo hiểm nhân thọ kiểu mới: trả bảo tức khả biến tùy thuộc vào kết quả đầu tư.

Cơ sở hạ tầng tài chính



- Cơ sở hạ tầng tài chính là khuôn khổ các luật lệ và hệ thống làm nền tảng để các doanh nghiệp và hộ gia đình lập kế hoạch, đàm phán và thực hiện các giao dịch tài chính.
- Cơ sở hạ tầng tài chính hỗ trợ và thúc đẩy sự hoạt động hiệu quả của hệ thống tài chính.
- Các thành phần của cơ sở hạ tầng:
 - Hệ thống luật pháp và quản lý nhà nước (bao gồm các cơ chế thực hiện hợp đồng).
 - Nguồn lực và thông lệ giám sát.
 - Cung cấp thông tin (vd: luật và thông lệ kế toán, kiểm toán, phòng đăng ký và lưu trữ thông tin tín dụng, tổ chức xếp hạng tín dụng).
 - Hệ thống thanh toán và hỗ trợ giao dịch chứng khoán (vd: dịch vụ giao dịch và niêm yết, luật giao dịch chứng khoán, cơ sở hạ tầng thông tin).

Khả năng tự điều tiết và vai trò nhà nước



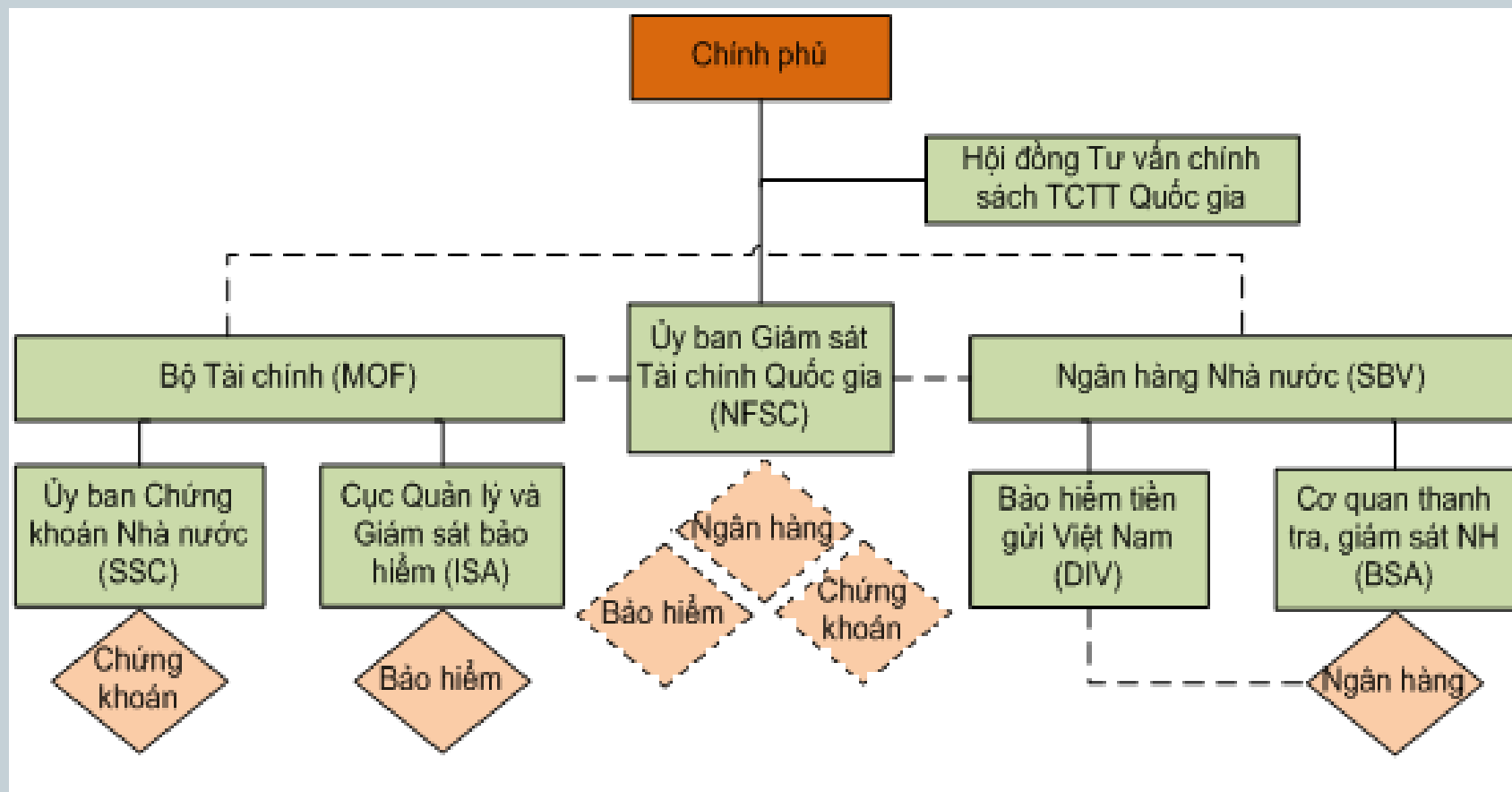
- Cơ sở hạ tầng tài chính thường được phát triển dựa trên sáng kiến của những người tham gia thị trường.
- Các thể chế hỗ trợ thị trường tài chính có hoạt động hiệu quả nhất khi những người tham gia thị trường tự phát triển các cơ chế điều tiết, từ đó tạo ra sự tương thích giữa các động cơ khuyến khích và hành vi.
- Tuy nhiên, *các tổ chức tự điều tiết* không phải lúc nào cũng phát huy tác dụng do các tổ chức này cần phải có một sự điều tiết từ bên ngoài ở một mức độ nào đó

⇒ Vai trò của nhà nước

- Cơ sở hạ tầng tài chính không thể để hoàn toàn do những người tham gia thị trường tự phát triển. Nhà nước luôn có vai trò quan trọng trong phát triển cơ sở hạ tầng tài chính.
- Nhưng trong quá trình thiết kế và thực thi chính sách tài chính, chính phủ phải cùng làm việc với thị trường để đảm bảo cho thị trường hoạt động hiệu quả.

Tổ chức giám sát hệ thống tài chính Việt Nam

27



Fintech



- Khái niệm cơ bản
- Một số sản phẩm dịch vụ
- Yếu tố đặc trưng của hệ sinh thái

Xu hướng toàn cầu từ sau khủng hoảng 2008



- Xu hướng tái cấu trúc với sự suy giảm vai trò các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng đầu tư và sự gia tăng của ngành **quản lý tài sản** (asset management).
- Thách thức từ sự hiện diện và nổi lên của **Fintech**: *“một phân khúc năng động, giao điểm của các ngành dịch vụ tài chính và công nghệ nơi các công ty khởi nghiệp tập trung vào công nghệ và những người tham gia thị trường mới đổi mới các sản phẩm và dịch vụ hiện tại vốn dĩ do ngành dịch vụ tài chính truyền thống cung cấp”*
 - ✓ Các trung tâm tài chính Fintech tiêu biểu: *“Silicon Alley”* tại New York, *“Silicon Roundabout”* ở London, *“Finance Innovation”* ở Paris, Berlin, Munich, Trung Quốc, Singapore là cầu nối của các trung tâm mới nổi ở Indonesia, Malaysia, Thái lan và Việt Nam
 - ✓ Không chỉ đơn thuần là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong dịch vụ tài chính mà còn là những **thay đổi đột biến** có thể xảy ra trong việc xem xét cách thức cung cấp dịch vụ tài chính hay chủ thể cung cấp các dịch vụ, theo Wójcik (2018)
 - ✓ **Gia tăng cạnh tranh** về giá trong lĩnh vực ngân hàng tiêu dùng, thanh toán, chuyển tiền

Một số sản phẩm, dịch vụ chính mà các công ty Fintech cung cấp

Công nghệ ngân hàng

Công cụ phân tích
Quản lý dữ liệu
Quản lý quan hệ khách hàng
An toàn, bảo mật

Thanh toán

Thương mại trực tuyến B2C
Ví di động/POS
Chuyển tiền ngang hàng P2P
Giải pháp thanh toán khác

Tiền kỹ thuật số

Blockchain
Bitcoin
Ví kỹ thuật số
Sàn giao dịch tiền kỹ thuật số

Tài chính doanh nghiệp

Cho vay ngang hàng P2P
Hạn mức tín dụng cho doanh nghiệp
Gọi vốn

Tài chính tiêu dùng

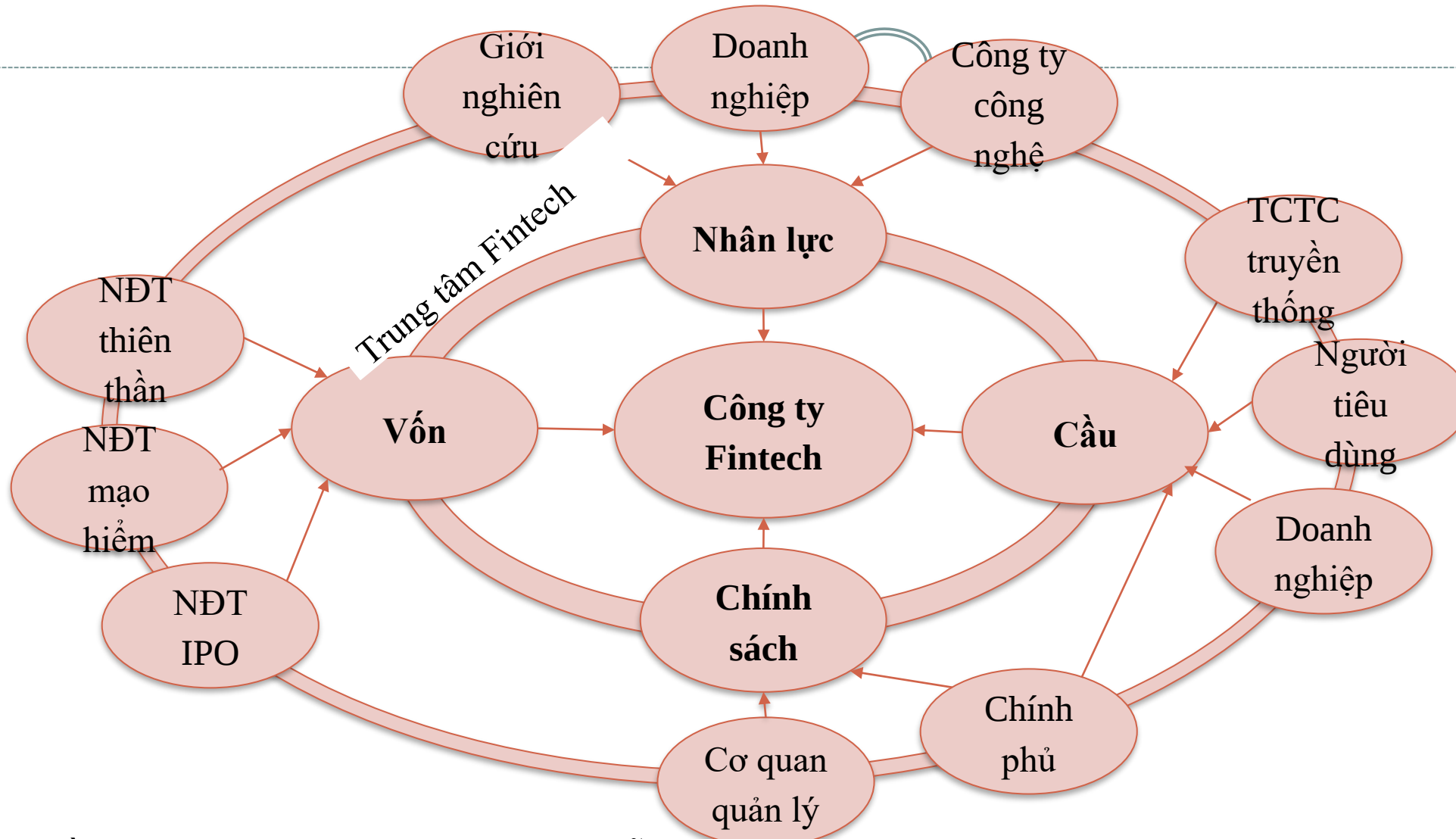
Cho vay ngang hàng P2P
Tư vấn Robot
Quản lý tài chính cá nhân
Vay trả góp
Xếp hạn tín dụng

Dịch vụ thay thế cốt lõi

Bảo hiểm sức khỏe
Bảo hiểm xe hơi
Bảo hiểm tài sản
Ngân hàng kỹ thuật số

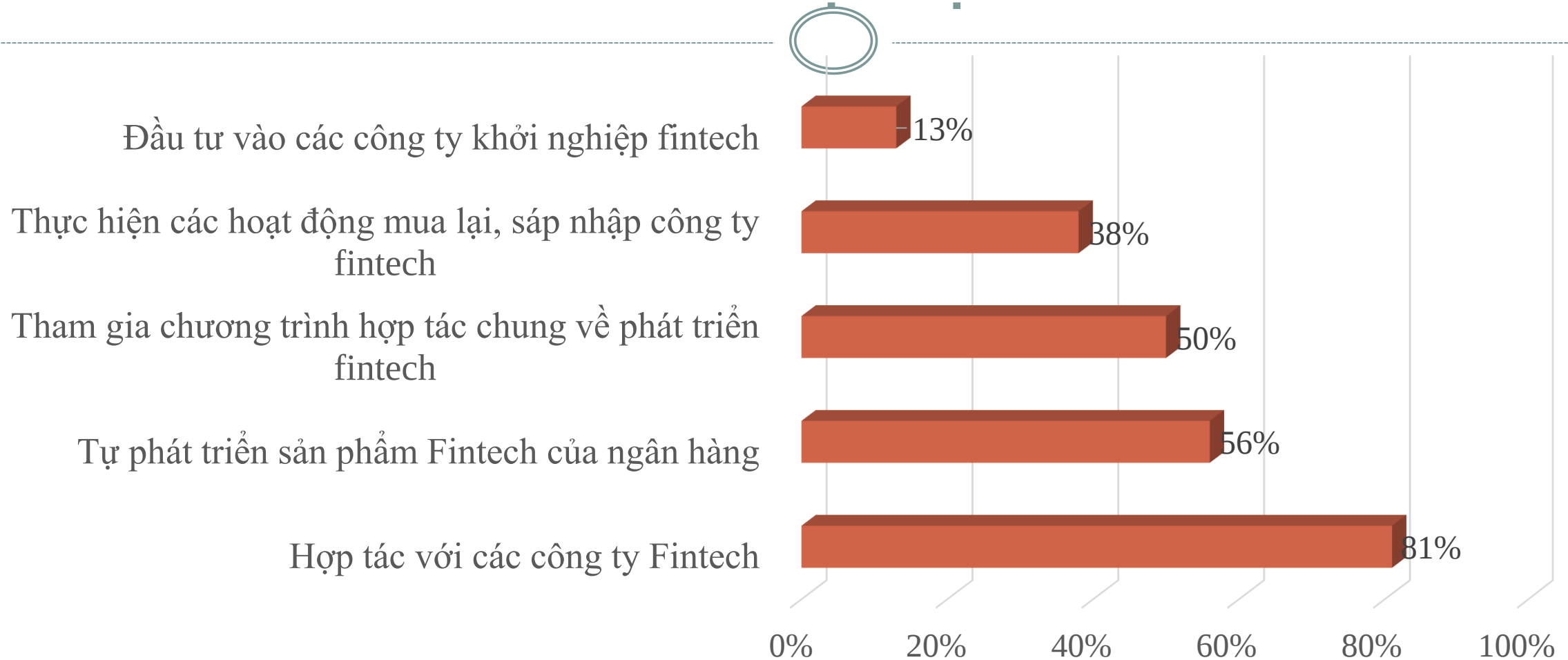
Nguồn: Luận văn MPP19 – N.T.H Điệp, trích Fintech Series Part 1–Introduction, 2017, Fung Global Retail & Technology, hình 1, trang 3)

Bốn yếu tố đặc trưng của hệ sinh thái Fintech



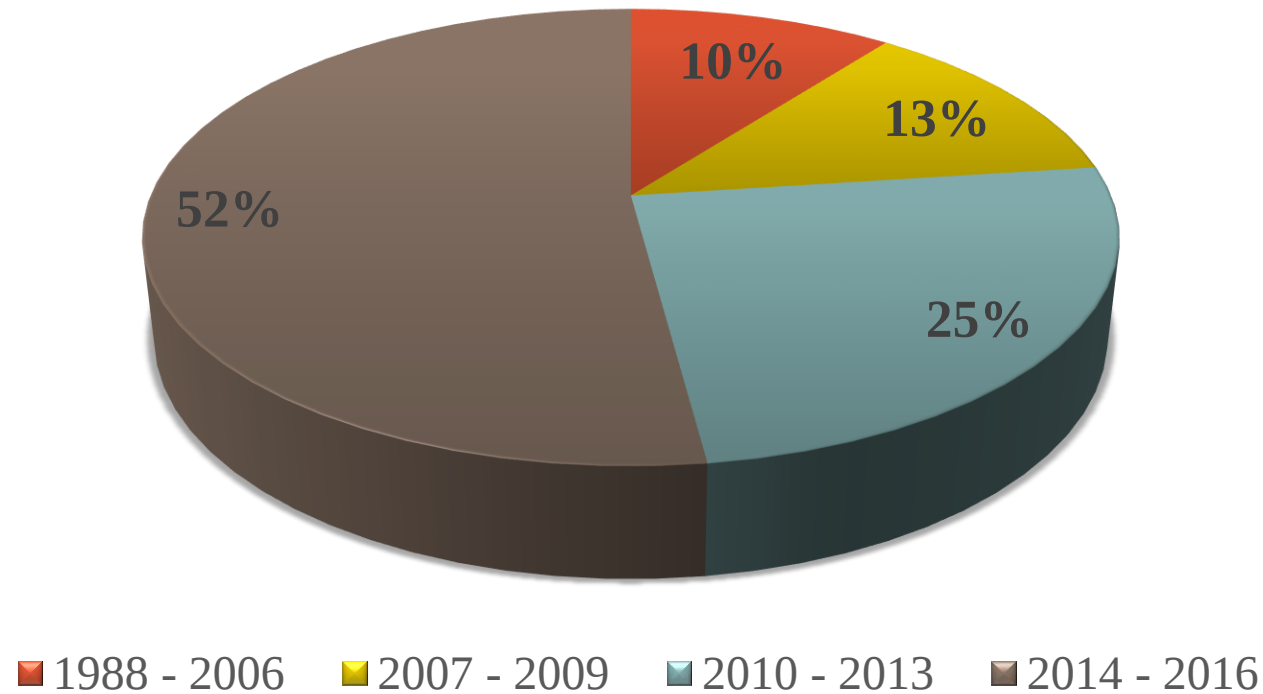
Nguồn: Luận văn MPP19 – N.T.H Diệp, dẫn UK Fintech On the cutting edge, EY, 2016

Xu hướng hợp tác giữa ngân hàng và các công ty Fintech tại Việt Nam



Nguồn: Luận văn MPP19 – N.T.H Diệp, dẫn Vụ Thanh Toán - NHNNVN, 31/07/2018

Thời gian thành lập của 48 công ty Fintech tại Việt Nam tính đến năm 2017



Nguồn: Luận văn MPP19 – N.T.H Điệp, trích Fintech Vietnam Ecosystem Report 2017

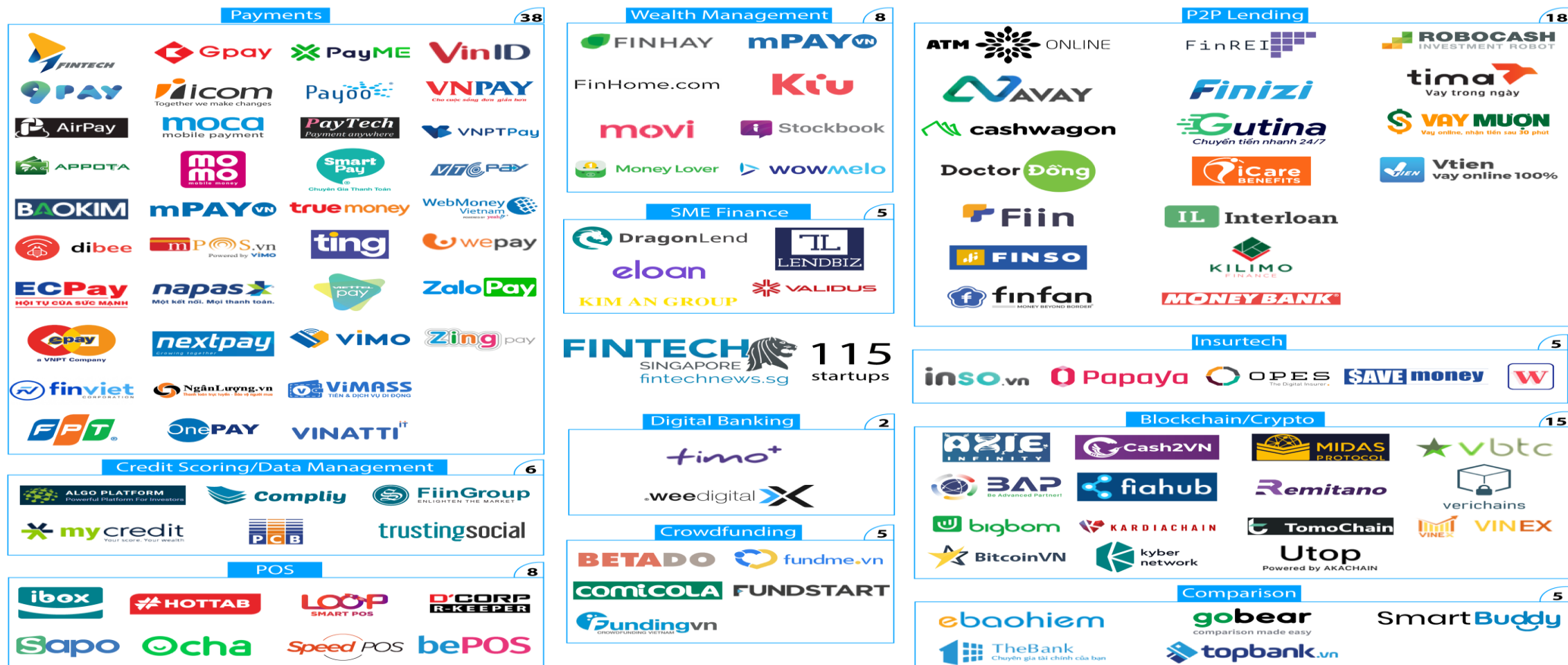
Các công ty Fintech tại Việt Nam tính đến năm 2017

STT	Lĩnh vực hoạt động	Công ty	Số công ty	Tỷ lệ
1	Thanh toán (Payment)	1Pay, 123Pay, Payoo, OnePay, SenPay, VinaPay, VNPay, WebMoney, CyberPay, NganLuong, ZingPay, Moca, OnonPay, VTPay, Vimo, Momo, VTCPay, SohaPay, 2C2P, BaoKim, bankplus, FPT Software.	22	46%
2	Cho vay (Lending)	Loanvi, Tima, TrustCircle.	3	6%
3	Chuyển tiền (Money Transfer)	Remit Hub, Matchmove, cash2vn, Nodestr,	4	8%
4	Tiền điện tử (Bitcoin/Blockchain)	Bitcoin Vietnam, VBTC Bitcoin, CARDANO Lab, Copyrobo.	4	8%
5	Quản lý bán hàng (POS Management)	Hottab, SoftPay, ibox.	3	6%
6	Gọi vốn (Crowdfunding)	FundStart, Comicola, Betado, Firststep.	4	8%
7	Tài chính cá nhân (Personal Finance)	Timo, MobiVi, Kiu, Money Love.	4	8%
8	Quản lý dữ liệu (Data Management)	CircleBi, TrustingSocial.	2	4%
9	So sánh thông tin (Comparison Sites)	BankGo, GoBear.	2	4%
	Tổng cộng		48	

Nguồn: Luận văn MPP19 – N.T.H Diệp, trích Fintech Vietnam Ecosystem Report 2017

Các công ty Fintech tại Việt Nam tính đến năm 2020

Fintech Vietnam Startup Map 2020



/Fintech-Vietnam-Meetup



/FintechVN



@FintechVN

FINTECH
SINGAPORE
fintechnews.sg

Nguồn: <https://fintechnews.sg/45354/vietnam/2020-fintech-vietnam-report-and-startup-map/>